TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Diệp Hồng Châu.

Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Liêng Thị H, sinh năm 1982; cư trú tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1976; cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Liêng Thị H trình bày:

Vào năm 1997, bà H và ông Huỳnh Văn T1 tự nguyện sống chung với nhau. Đến ngày 25/8/2011, bà H và ông T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số

02/2011. Sau khi kết hôn, bà H và ông T1 chung sống rất hạnh phúc tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 2013, bà H và ông T1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và ông, bà không còn sống chung từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống ông, bà có 03 người con chung tên: Huỳnh Văn T2, sinh ngày 16/3/1999, Huỳnh Thị T3, sinh ngày 30/10/2002, Huỳnh Thị N, sinh ngày 15/10/2004. Hiện nay cháu T2 và cháu N đang sống chung với bà H, cháu T3 đang sống chung với ông T1.

Về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có.

Nay bà Liêng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Liêng Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn T1.

- Về con chung: Theo nguyện vọng của các con, nếu các con có nguyện vọng sống chung với bà H thì bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu các con chung có nguyện vọng được sống chung với ông T1 thì bà H đồng ý giao cho ông T1 nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà H và ông T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 216/TB-TLVA ngày 07 tháng 12 năm 2017, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Huỳnh Văn T1, nhưng ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Huỳnh Thị N, sinh ngày 15/10/2004 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con

chung; giao cháu Huỳnh Thị T3 cho bị đơn nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Nguyên đơn Liêng Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt lập vào ngày 23/01/2018 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông Huỳnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêng Thị H, sinh năm 1982 và ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1976 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 02/2011 ngày 25/8/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Liêng Thị H và ông Huỳnh Văn T1 là hợp pháp.

[5] Xét lý do xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bà H, ông T1 hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên ông, bà không còn sống chung từ đó cho đến nay và ông, bà đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ, chồng bà H và ông T1 trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[6] Về con chung: Bà H trình bày là theo nguyện vọng của các con, nếu các con có nguyện vọng sống chung với bà H thì bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu các con chung có nguyện vọng được sống chung với ông T1 thì bà H đồng ý giao cho ông T1 nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2017, cháu Huỳnh Thị N, sinh ngày 15/10/2004 thể hiện nguyện vọng muốn được sống chung với bà H; tại văn bản trình bày ý kiến lập ngày 08/01/2018, cháu Huỳnh Thị T3, sinh ngày 30/10/2002 thể hiện nguyện vọng muốn được sống chung với ông T1, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Thị N, sinh ngày 15/10/2004 cho bà H nuôi dưỡng đến

tuổi thành niên, giao cháu Huỳnh Thị T3, sinh ngày 30/10/2002 cho ông T1 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Riêng cháu Huỳnh Văn T2, sinh ngày 16/3/1999, hiện nay cháu đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi cháu T2 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị N, bà H cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Thị T3, ông T1 không có yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu T3 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu T3 mà không ai được cản trở. Bà H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T3 của ông T1. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu N mà không ai được cản trở. Ông T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N của bà H.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bà Liêng Thị H là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Huỳnh Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Liêng Thị H và ông Huỳnh Văn T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị N, sinh ngày 15/10/2004 cho bà Liêng Thị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Ông Huỳnh Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ông Huỳnh Văn T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhàn của bà Liêng Thị H. Giao cháu Huỳnh Thị T3, sinh ngày 30/10/2002 cho Ông Huỳnh Văn T1 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Bà Liêng Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà Liêng Thị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T3 của Ông Huỳnh Văn T1.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Liêng Thị H và ông Huỳnh Văn T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Liêng Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Liêng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006531 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Liêng Thị H đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn